TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TB** **TỈNH PT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Công Ích;

2/ Ông PH Văn Thị.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia phiên toà: Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Khu 4, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT.

2. Bị đơn: Anh **Chu Mạnh H**, sinh năm 1993.
Nơi đăng ký HKTT: Khu 4, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT.
Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 3, phân trại số 1, trại giam PT trực thuộc Tổng cục 8 – Bộ CA.
Địa chỉ: Xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
(Chị T và anh H đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:* Chị Hà Thị T và anh Chu Mạnh H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 03/8/2017 tại UBND xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình không được hạnh phúc, anh chị sống

ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Anh H hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 3, phân trại số 1, trại giam PT, địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh H có 01 con chung là Chu Trường A, sinh ngày 31/10/2017. (Cháu A đang ở cùng chị và gia đình chồng tại khu 4, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT). Nay ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con. Công việc chị làm tự do, thu nhập ổn định 6.000.000đ/ tháng nên chị đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Chu Mạnh H trình bày:*

Anh và chị Hà Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/8/2017 tại UBND xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng anh sống ly thân được 5 năm nay. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh H xác định anh và chị T đã có với nhau 01 con chung là Chu Trường A, sinh ngày 31/10/2017. Hiện cháu đang ở cùng bà Nội là bà Phạm Thị Thúy L ở: Khu 4, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT, anh nhờ mẹ anh là bà Liệu chăm sóc cháu An giúp anh trong thời gian anh chấp hành hình phạt tù. Khi nào chấp hành xong hình phạt, anh sẽ trực tiếp nuôi con. Nay ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con và nhờ bà Liệu tạm thời nuôi con giúp anh. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang chấp hành hình phạt tù nên anh anh có đơn xin được vắng mặt tại phiên hòa giải, các buổi làm việc tại Tòa án cũng như xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Chu Mạnh H.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Chu Trường A, sinh ngày 31/10/2017 (đang ở cùng chị tại khu 4, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT);

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T và anh H mỗi người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là: 75.000 đồng; Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng. Trả lại cho chị T 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Hà Thị T và bị đơn là anh Chu Mạnh H đều đăng ký hộ khẩu tại có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Chu Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được UBND xã ĐA, huyện TB đăng ký kết hôn ngày 03/8/2017, do vậy hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống.

Xét về tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H thấy rằng: Chị T và anh H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là không hợp nhau và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, xét hai bên đều tự nguyện yêu cầu ly hôn, vì vậy công nhận

thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H là phù hợp với quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H đều xác định anh chị có 01 con chung là cháu Chu Trường A, sinh ngày 31/10/2017. Hiện cháu đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị T và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu xin được nuôi con của hai bên là chính đáng. Xong xét thấy hiện nay anh H đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam PT nên việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là không thể hơn nữa chị T đang trực tiếp nuôi con chung có đủ mọi điều kiện chăm sóc con chung hơn anh H. Vì vậy cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T và anh H thuận tình ly hôn, nên mỗi người phải chịu 25% mức án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Chu Mạnh H.

[3]. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Chu Trường A, sinh ngày 31/10/2017 (đang ở cùng chị tại khu 4, xã ĐA, huyện TB, tỉnh PT)

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T và anh H mỗi người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là: 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*; Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*; Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001874 ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT. Trả lại cho chị T 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐA;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến

Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Bình Luyến